



NGÔ-THI-HUỆ
20.11.1945

NGUYỄN-VĂN-THO
1945

NGUYỄN-THỊ-
ANH TUYẾT
08-07-1964

NGUYỄN KHOA NAM
21.06.1980

NGUYỄN-ĐĂNG-
PHONG
08-09-1966

NGUYỄN-Ngọc
TUYẾT-TRÌNH
04-05-1973

NGUYỄN-THỊ-THỦY
TRANG
17-09-1982

NGUYỄN-THỊ-ANH
NGUYẾT
20-08-1962

NGUYỄN-Ngọc
BẢO-TRẦN
06-02-1976



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGO THI HUE
Last Middle First

Current Address: H76/30 Nguyen Huynh Duc

Date of Birth: 11/20/45 Place of Birth: Tay Ninh

Previous Occupation (before 1975) US Employee
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From X To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FUPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Tram Hui Kim Dung</u>	<u>Friend</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~020450822~~

Họ tên NGÔ THỊ HUỆ

Sinh ngày 20-11-1945

Nguyên quán Phú Khương,

Tây Ninh.

Nơi thường trú 476/30 Ngõ H-

Đức, P.N, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

... Tôn giáo :... Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,4cm cách
1,2cm dưới đầu mắt
trai.

Ngày 07 tháng 11 năm 1978

T. G. B. G. D. C. A. C. T. R. U. O. N. G. T. Y. C. O. N. G. A. N.
H. O. T. R. U. O. N. G. A. N. G. P. H. U. N. H. U. A. N.

ĐANG H. HO TRƯỞNG TỈNH AN G. PHÚ NHUẬN.

Nguyễn Hải

CỘNG HÒA MIỀN NAM

CHUYÊN MINH NHÂN DÂN

Số: 20430521



Họ tên: NGUYỄN THỊ ANH-
NGUYỄN

Sinh ngày: 20-08-1962

Nơi sinh: Bình Chánh Hưng

Thị trấn Tiên Giang

Nơi thường trú: 76/30 Ng. B

Đã: TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
 NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẤU HÌNH Đeo bầu dục lõm r, 0,5cm 9,1cm trên đuôi may trái. Ngày 01 tháng 11 năm 1978  T. S. TRƯỞNG T. CÔNG AN H. T. TRƯỞNG AN. P. H. H. H. <i>Duyệt</i>
 NGÓN TRỎ PHẢI	

Số. Tỷ
Công An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Đ-ĐC 01

GIẤY BIÊN NHẬN

Số

Họ tên

Tên thường gọi

Nơi thường trú

Đ-ĐC 01/2/15 Đ-ĐC 01/2/15
7200

Đã kết thúc việc điều tra, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, tài liệu liên quan

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận biên nhận dân
tại : CA - GA

Hiện đến ngày

19

Ngày

Chức vụ

CHỨNG NHẬN

SAO C

ĐÃ XUẤT

Ngày 01

08

1983

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN 2. Q. 4

Thư ký Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

XÃ PHÚ NHUẬN H/10B

Số hiệu m535

Lập ngày 22 tháng 8 năm 1962

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Đã được Nguyễn-van-Anh
và Ngô-thị-Huệ nhìn nhận
con, được đặt tên lại
Nguyễn-thị-Anh-Nguyệt
hợp thức hóa do hôn
lập giữa Nguyễn-van-Anh
và Ngô-thị-Huệ tại
ngày 17/1/1962
Phủnhuận ngày 29/1/1962
Hội-viên hộ-tịch
K/T: Trần-Văn-Anh

Tên họ đứa trẻ . . .
Con trai hay con gái . . .
Đầy đủ . . .
Nơi sanh . . .
Tên họ người cha . . .
Tên họ người mẹ . . .
Chánh hay không có
hôn thú . . .
Tên họ người đứng khai . . .

Họ-thị-Anh-Nguyệt
X
Ngày hai mươi tháng tám dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, tại Số 56458 Nguyễn-Trần-Cẩm, Phúnhuận
XXXX
Họ-thị-Huệ
XXXXX
Nguyễn-thị-Tử-Muội



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Ủy-Viên Hộ-Tịch,
tháng 09 năm 1962

NGUYỄN-THANH-HÙNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA

PHƯỜNG 1

Lập ngày 31 tháng 7 năm 1965

Số hiệu 6898

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn Đăng Hoa
Con trai hay con gái. .	nam
Ngày sanh.	Hai mươi bảy tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm
Nơi sanh.	Saigon 4, Trần Quang Diệu
Tên họ người cha . .	Nguyễn Văn An
Tên họ người mẹ. . .	Ngô Thị Huệ
Vợ chánh hay không có hôn thú	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn Thị An



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 24 tháng 4 năm 1974

TL. Viên-Chức Hộ-Tịch,

Nguyễn Văn An
Tham Sự Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

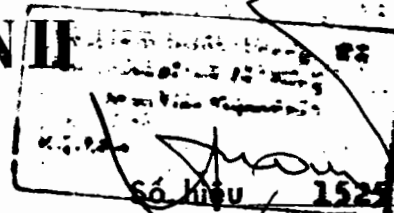
TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

XÃ PHUM HUAN H/6B

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 19 66



Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Bang-Phong
Phái	Nam
Sanh	Ngày 10 tháng 7 năm 1966 ngăn chín trăm sáu mươi sáu, hai lăm
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Phường 1002 Nguyễn-Linh-Duc
Cha	Nguyễn-Van-Anh (chết)
(Tên, họ)	
Nghề	///
Cư trú tại	///
Mẹ	Ngô-Thị-Huệ
(Tên, họ)	
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Phường 1290 Nguyễn-Linh-Duc
Vợ	Vợ-Chánh
(Chánh hay thứ)	

KIẾN-THỊ :

XÃ TRƯỞNG



NGUYỄN-THANH-HÙNG

Trích y bản chính :

Phường

ngày 10 tháng 7 năm 1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

TRẦN VĂN-DANH

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BLV/HC/79
ngày 3-8-70.

BỘ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN - 3

Số hiệu : 5712

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn thị Anh-Tuyết
Phái	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, 16g1020
Nơi sanh.	Saigon, 45 Trần quang Diệu
Tên, họ người Cha	Nguyễn Văn Anh
Tuổi	Hai mươi ba
Nghề-nghiep.	Chuẩn úy hoa tiêu
Nơi cư ngụ	Saigon, 1956/19 Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Ngô thị Huệ
Tuổi	Mười chín
Nghề-nghiep.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 1956/19 Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay	Vợ chánh



Lập tại Saigon, ngày 31 tháng 7 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 13 tháng 8 năm 1964

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN 3

1966

NGUYỄN PHƯỚC-HÒA

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã thị trấn Phước Mỹ
Thị xã, Quận Phước Ninh
Thành phố, Tỉnh Hà Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 121
Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Thuý Trang</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày mười bảy, tháng chín, năm một</u> <u>ngàn chín trăm tám mươi hai</u> <u>(17-09-1982)</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Phụ Sản Quận - 01</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Chánh</u> <u>1960</u>	<u>Nguyễn Thị Bình Nguyễn</u> <u>1962</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm bếp</u>	<u>nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Khu Trại, Phụ</u> <u>Khu Trại, Tây Ninh</u> <u>Ngõ Thù Huê</u>	<u>476/30 Nguyễn Huệ</u> <u>Đức, Phường 14</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>476/30 Nguyễn Huệ, Đức, Phường 14</u> <u>Quận Phú Nhuận</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 05 tháng 08 năm 1983

TAYUBND ký tên đóng dấu

Đang ký ngày 09 tháng 09 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UW TT

Nguyễn Hiến Trang



VÕ VĂN LẠC

QUY ĐỊNH NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Trụ sở: Phường 11

Số 10 - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị trấn Quận Phú Nhuận

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 77

Quyển số 01

Họ và tên	Nguyễn Khoa Nam		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi một tháng sáu năm một ngàn chín trăm tám mươi (21.06.1980) lúc 06 g 50'			
Nơi sinh	Bệnh Viện Phụ Sản Quận 01			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Văn Thọ 1945		Ngô Thị Hồng 1945	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Nhân Viên Công Tĩnh		Nhân Trú	
Nơi ĐKNK thường trú	H76/30 Nguyễn Huệ Quận Phú Nhuận		Đức F. 14 Quận Phú Nhuận	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Anh Nguyệt 1962 H76/30 Nguyễn Huệ Quận Phú Nhuận			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 16 tháng 07 năm 1980
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 15 tháng 08 năm 1983

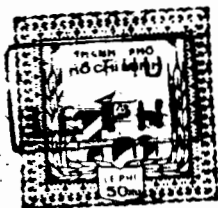
TAMUBND ký tên đóng dấu

UWTK

Li Uy Duyen



QUẬN



VÕ VĂN LẠC

American Council for Nationalities Service

Washington Resettlement Office

8555 - 16th Street, Suite 609, Silver Spring, Md. 20910 Tel: 301) 585-9166

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Date: July 24, 1984Our Name: Mr/Mrs (Miss) TRAN THI KIM DUNG Phone: (Home
(Last) (Middle) (First) (Work)

Our Address: _____

(Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)

Date of Birth: 11-14-1941 Place of Birth: SAIGON, VIETNAMDate of Entry to U.S. 6-25-1975 From (Country or Camp) PENDLETON, CALIFORNIA, USAAlien Registration Number is 21 288 026 My Naturalization Certificate No. is 11014889Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident Alien _____ U.S. Citizen XFOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

NAME OF PRINCIPAL EMIGRANT	DATE/PLACE OF BIRTH RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
NGO THI HUE	11-20-1945 TAY NINH	476/30 NGUYEN HUYNH DUC
	VIETNAM	PHU NHUAN, HO CHI MINH
		VIETNAM

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: SEVEN (7)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P. A.
NGUYEN VAN THO	1945	HUSBAND
NGUYEN THI ANH - NGUYET	8/20/1962	DAUGHTER
NGUYEN THI ANH - TUYET	7/28/1964	DAUGHTER
NGUYEN NGOC TUYET TRINH	5/04/1973	DAUGHTER
NGUYEN NGOC BAO TRAN	2/05/1976	DAUGHTER
NGUYEN KHOA NAM	6/21/1980	SON
NGUYEN THI THUY TRANG	9/17/1982	GRAND DAUGHTER

ADDITIONAL INFORMATION:

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)

U.S. GOVERNMENT Agency USAID/PERSONNEL OFFICE Last Title/Grade CLERK
Name/Position of Supervisor Miss. E. JEAN HOBBS, CHIEF OF PERSONNEL

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ / _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____
Was time spent in re-education camp? Yes _____ No _____ How long? _____ Years _____ Month _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Dates of Employment or Training _____ To _____
Month/Year Month/Year

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full name of the mother: _____ Her age: _____
Address: _____
Full name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: *[Signature]* Date: July 24, 1984

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS July 25, 1984 (Date)

Signature of Notary Public *[Signature]* County of: P G

MAI NGOC BICH
NOTARY PUBLIC STATE OF MARYLAND
My commission expires: My Commission Expires July 1, 1986

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

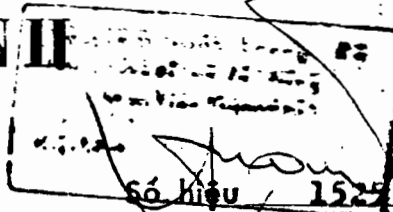
TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

XÃ PHU NHUAN B/6B

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SAN II

Năm 19 66



Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Dương-Phong
Phái	Nam
Sanh	Ngày 10 tháng 10 năm 1956, một (Ngày, tháng, năm) ngàn chín trăm sáu mươi sáu, tại 15g
Tại	Phủ huyện 1004 Nguyễn-Huỳnh
Cha	Nguyễn-Văn-Ánh (chết)
Nghề	///
Cư trú tại	///
Mẹ	Ngô-Thị-Huệ
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Phủ huyện 1290 Nguyễn-Huỳnh
Vợ	Vợ-Chánh
	(Chưa có hay chưa)

Trích y bốn chính:

KIẾN-THỊ:

Phủ huyện

ngày 10 tháng 7 năm 1977

XÃ TRƯỞNG,

ỦY-VIÊN HỌ-TỊCH,



NGUYỄN-THANH-HÙNG

TRẦN VĂN-DANH

MIỀN THỊ CHỨC CHỮ KÝ

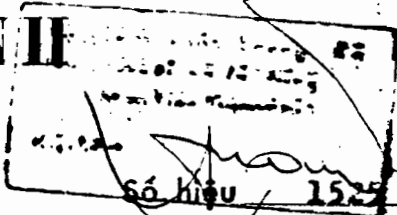
Thị trấn - Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỈNH GIA - ĐỊNH
QUẬN TÂN BÌNH

XÃ PHU NHUAN H/6B

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 19 06



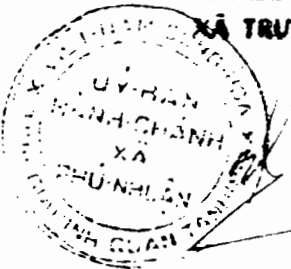
Tên, họ ấu nhi	Nguyễn-Dương-Phong
Phái	Nam
Sanh	Ngày 10 tháng chín d'ông, lịch n'au, một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, no 15g
(Ngày, tháng, năm)	Phủ-huận 1004 Nguyễn-Duy-h
Tại	Nguyễn-Van-Ánh (chết)
Cha	///
(Tên, họ)	///
Nghề	///
Cư trú tại	Ngô-Thị-Huệ
Mẹ	Hội-trợ
(Tên, họ)	Phủ-huận 1290 Nguyễn-Duy-h
Nghề	Vợ-Chánh
Cư trú tại	
Vợ	
(Chánh hay thứ)	

Trích y bốn chánh :

Phủ-huận

ngày 10 tháng 7 năm 197

ỦY-VIÊN HỌ-TỊCH,



KIẾN-THỊ :
XÃ TRƯỞNG,

NGUYỄN-THANH-HÙNG

PHẦN VĂN-DANH

MIỀN THỊ THỰC CHỮ KÝ

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn thị Anh-Tuyết
Phái	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, 16g1020
Nơi sanh.	Saigon, 15 Trần Quang Liệu
Tên, họ người Cha	Nguyễn Văn Anh
Tuổi	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp.	Chuẩn úy hoa tiêu
Nơi cư ngụ	Saigon, 1956/19 Trương Vĩnh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Ngô thị Huệ
Tuổi	Mười chín
Nghề-nghiệp.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 1956/19 Trương Vĩnh Giảng
Vợ chánh hay	Vợ chánh



lập tại Saigon, ngày 31 tháng 7 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 13 tháng 8 năm 1966. 4/5
QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 3

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn thị Anh-Tuyết
Phái	Nữ
Ngày sanh.	Hai mươi tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, 16g1020
Nơi sanh.	Saigon, 15 Trần Quang Diệu
Tên, họ người Cha	Nguyễn Văn Anh
Tuổi	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp.	Chuẩn úy hoa tiêu
Nơi cư ngụ	Saigon, 1956/19 Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Ngô thị Huệ
Tuổi	Mười chín
Nghề-nghiệp.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 1956/19 Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay	Vợ chánh



Lập tại Saigon, ngày 31 tháng 7 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 13 tháng 8 năm 1964. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN 3

4/5

1964

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA
PHƯỜNG 1

Lập ngày 31 tháng 7 năm 1965

Số hiệu 6898

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn Lăng Hoa
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Hai mươi bảy tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm
Nơi sanh.	Saigon Quận Bình Thạnh
Tên họ người cha. . .	Nguyễn Văn Lịch
Tên họ người mẹ. . .	Ngô Thị Huệ
Vợ chánh hay không có hôn thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn Thị An



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 21 tháng 1 năm 1974
Viên-Chức Hộ-Tịch,

TL.

Nguyễn Thị An
Tham Sự Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: SA
PHƯỜNG 1

Lập ngày 31 tháng 7 năm 1965

Số hiệu 6698

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn Đăng Hoa
Con trai hay con gái. .	nam
Ngày sanh.	Hai mươi bảy tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm
Nơi sanh.	Saigon Quận Tân Quang diên
Tên họ người cha. . .	Nguyễn Văn Lộc
Tên họ người mẹ. . .	Ngô Thị Huệ
Vợ chánh hay không có hôn thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn Thị An



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 21 tháng 1 năm 1975
Viên-Chức Hộ-Tịch,

Nguyễn Văn Lộc
Trưởng Bộ Hộ-Tịch

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

XÃ PHÚ NHUẬN H/10B

Số hiệu 535

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 22 tháng 8 năm 1962

Đã kiểm soát trong 85

Đã được Nguyễn-van-
và Ngô-thị-Huê nhìn
con, được đặt tên lại
Nguyễn-thị-Anh-Nguyệt
hợp thức hóa do hôn
lập giữa Nguyễn-van-
và Ngô-thị-Huê tại
ngày 17/7/1962
tại huyện ngày 29/7/1962
Hội-viên hộ-tịch
K/T: Trần-Văn-Dũng

Tên họ đứa trẻ . . .
Con trai hay con gái . . .
Ngày sinh . . .
Nơi sinh . . .
Tên họ người cha . . .
Tên họ người mẹ . . .
Có chánh hay không có
hôn thú . . .
Tên họ người đứng khai . . .

Ngô-thị-Anh-Nguyệt
Nữ
Ngày 4 tháng 8 dương lịch năm 1962 tại chín trạm sau mười hai, họ số 56458 Nguyễn-vinh-Chiêu, Phú Nhuận GP
XXXX
Ngô-thị-Huê
XXXXX
Nguyễn-thị-Tử-Huội

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHANH
Ngày 19 tháng 8 năm 1962
Ủy-ban Hộ-tịch
HÀNH-CHANH
XÃ PHÚ NHUẬN
TỈNH GIA-ĐÌNH QUẬN TÂN BÌNH
NGUYỄN-THÀNH-HÙNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

XÃ PHÚ NHUẬN H/10B

Số hiệu 535

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 22 tháng 8 năm 1962

Đã kiểm soát trong 82

Đã được Nguyễn-van-
và Ngô-thị-thuê nhìn
con, được đặt tên lại
Nguyễn-thị-Ánh-Nguyệt
hợp thức hóa do hôn
lập giữa Nguyễn-van-
và Ngô-thị-thuê tại
ngày 17/7/1962
trên biên này 29/7/1962
Hội-viên hộ-tịch
K/T: Trần-Văn-Dạnh

Tên họ đứa trẻ . . .
Đang là
Con trai hay con gái .
Ngày sinh . . .
Nơi sinh . . .
Tên họ người cha . .
Tên họ người mẹ . .
Vợ chánh hay không có
hôn thú . . .
Tên họ người đứng khai

Ngô-thị-Ánh-Nguyệt
XĐ
Ngày hai mươi tháng tám dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, họ 954 Số 56458 Nguyễn-văn-Điền, Phú Nhuận, GP
XXXX
Ngô-thị-thuê
XXXXX
Nguyễn-thị-Tử-Nguyệt



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHANH

Ngày 09 tháng 1 năm 1962
Ủy-Viên Hộ-Tịch,

NGUYỄN-THỊ-THANH-HÙNG

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-TỬ

Năm 1966

Số hiệu: 143

(Chết vì Tổ Quốc)

Người chết: (tên, họ)	Nguyễn văn Ánh
Nghề-nghiep	Quân Nhân
Cư trú tại:	K.B.C. 3004
Sinh ngày:	4 tháng 1 đl năm 1941
Tại:	Lộc Ninh
Chưa có đôi bạn hay gốc bạn kê tên, họ người bạn nếu có:	Ngô thị Huệ
Người bạn làm nghề gì:	Nội Trợ
Cha (tên, họ):	Nguyễn văn Tiên
Mẹ (tên, họ):	Tang thị Nhung
Chết ngày:	25 tháng 5 đl năm 1966
Chết tại:	Liên đoàn 33 Yểm Cứ
Người khai (tên, họ):	Trần ngọc Cửa
Người khai mấy tuổi:	40 tuổi
Nghề-nghiep:	Quân Nhân
Cư trú tại:	K.B.C. 3004

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy viên Hộ-tịch Xã

Nguyễn Văn Dương, ngày 7 tháng 7 năm 1966

Trích y bản chính:

Tân Sơn Hòa, ngày 7 tháng 3 năm 1967

Chủ-Tịch kiêm Ủy-viên Hộ-tịch,



TỈNH GIA ĐỊNH

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-TỬ

Năm 1966

Số hiệu: 143

(Chết vì Tổ Quốc)

Người chết: (Tên, họ):	Nguyễn Văn Ánh
Nghề-nghiep:	Quân Nhân
Cư trú tại:	K.B.C. 3004
Sinh ngày:	4 tháng 1 đl năm 1941
Tại:	Lộc Ninh
Chưa có đôi bạn hay góa bụa kê tên, họ người bạn nếu có:	Ngo thị Huệ
Người bạn làm nhà gi:	Nội Trợ
Cha (tên, họ):	Nguyễn Văn Tiến
Mẹ (tên, họ):	Tang thị Nhung
Chết ngày:	25 tháng 5 đl năm 1966
Chết tại:	Điền đoàn 33 Yểm Cứ
Người khai (tên, họ):	Trần Ngọc Cẩn
Người khai số:	10 tuổi
Nghề nghiệp:	Quân Nhân
Cư trú tại:	K.B.C. 3004

Tôi chứng thực chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
Ủy viên Hộ-tịch Xã

Tân Sơn Hòa, ngày 7 tháng 3 năm 1967

Trích y bản chính:

Tân Sơn Hòa, ngày 7 tháng 3 năm 1967

Chủ tịch kiêm Ủy viên Hộ-tịch,

TỈNH GIA ĐỊNH

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-TỬ

Năm 1966

Số hiệu: 143

(Chết vì Tổ quốc)

Người chết: (tên, họ):	Nguyễn Văn Ánh
Nghề-nghiep:	Quân Nhân
Cư trú tại:	K.B.C. 3004
Sinh ngày:	4 tháng 1 đl năm 1941
Tại:	Lộc Ninh
Chưa có đôi bạn hay góa bụa kể tên, họ người bạn nếu có:	Ngô thị Huệ
Người bạn làm nghề gì:	Nội Trợ
Cha (tên, họ):	Nguyễn Văn Tiến
Mẹ (tên, họ):	Tang thị Nhung
Chết ngày:	25 tháng 5 đl năm 1966
Chết tại:	Liên đoàn 33 Yểm Cứ
Người khai (tên, họ):	Trần Ngọc Cửa
Người khai (tên, họ):	10 tuổi
Nghề nghiệp:	Quân Nhân
Cư trú tại:	K.B.C. 3004

Chứng thật chữ ký bản đây là của Ông Chủ-Tịch
khu Ủy viên Hộ-tịch Xã

Trích y bản chính:

Tân Sơn Hòa, ngày 7 tháng 3 năm 1967
Chủ tịch kiêm Ủy viên Hộ-tịch,

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận Nhứt

Số hiệu 272

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG

NGUYỄN-VĂN-ANH

nghề nghiệp

Chuyên-ty Hoa-Đen

sinh ngày

bốn

tháng

giêng

năm

một ngàn chín

trăm bốn mươi một (1941)

tại Lạc-Tĩnh (Thủ-đầu-một)

cư trú tại

ĐTC. 3.096

tạm trú tại

/

Tên họ cha chồng

Nguyễn-văn-Tên

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng

Đang-vai-Thung

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ

NGO-VĂN-HUỆ

nghề nghiệp

học-sinh

sinh ngày

hai mươi

tháng

chín

năm

một ngàn chín

trăm bốn mươi lăm (1945)

tại xã Cẩm-Đương (Tây-Tĩnh)

cư trú tại

SAIGON, 112 đường Tôn-thất-Dục

tạm trú tại

/

Tên họ cha vợ

NGO-văn-Thu

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ

Nguyễn-thị-Diễn (chết)

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú

ngày

đẩy

tháng

năm một ngàn chín

trăm bốn mươi bảy (17-7-1947).

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

không có

ngày

tháng

/

năm

tại

/

TRÍCH Y BỒN CHÁNH.

Sàigòn, ngày 1 tháng 6 năm 1966

Quản-Trưởng Quận Nhứt,

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Nguyễn-THÀNH-HƯƠNG



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận Nhứt

Số hiệu 272

20

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG NGUYỄN-VĂN-ĐU

nghề nghiệp Quản-ly Hoa-Đầu

sinh ngày 10 tháng 11 năm 1911

tên đơn nơi kết hôn (1941) tại Lạc-Tĩnh (Thủ-đầu-ngô)

cư trú tại H.C. 3.096

tạm trú tại /

Tên họ cha chồng Nguyễn-Văn-Đầu

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Ông-Tạ-Tên

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ NGUYỄN-VĂN-ĐU

nghề nghiệp Học-sinh

sinh ngày 10 tháng 11 năm 1911

tên đơn nơi kết hôn (1941) tại Lạc-Tĩnh (Thủ-đầu-ngô)

cư trú tại H.C. 3.096, 122 Quận Nhứt

tạm trú tại /

Tên họ cha vợ Ông-Tạ-Tên

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn-Văn-Đầu (sống)

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 10 tháng 11 năm 1911

ở Lạc-Tĩnh (17-7-1911).

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế /

ngày / tháng / năm /

tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH.

Sàigòn, ngày 11 tháng 6 năm 1961

Quản-Trưởng Quận Nhứt,

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chữ



CHỖ THÀNH-HƯƠNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận Nhứt

Số hiệu 272

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG

NGUYỄN-VĂN-ANH

nghề nghiệp

Quản-ly Hoa-Đài

sinh ngày

10

tháng

12

năm

1921

ở địa phương (1941)

tại Quận-Nhứt (Thủ-đầu-quận)

cur trú tại

ĐC. 3.096

tạm trú tại

Tên họ cha chồng

NGUYỄN-VĂN-THÂN

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng

ĐANG-THỊ-THÂN

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ

NGUYỄN-VĂN-THÂN

nghề nghiệp

Quản-ly

sinh ngày

10

tháng

12

năm

1921

ở địa phương (1941)

tại Quận-Nhứt (Thủ-đầu-quận)

cur trú tại

tạm trú tại

Tên họ cha vợ

NGUYỄN-VĂN-THÂN

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ

ĐANG-THỊ-THÂN (chết)

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú

10

tháng

12

năm

1921

ở địa phương (17-9-1941).

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày

tháng

năm

tại

TRÍCH Y BỒN CHÁNH.

Sàigòn, ngày 1 tháng 6 năm 1961

Quận-Trưởng Quận Nhứt,

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Nguyễn-Văn-Thanh

CHỖ THÀNH-HƯƠNG

ĐỒ THÀNH SAIGON

Quận: PA

~~PHƯỜNG T. H. GIANG~~

Số hiệu: 218

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 08 tháng 05 năm 1973

Tên họ đứa trẻ.	NGUYỄN QUOC TUYẾT TRINH
Con trai hay con gái.	NỮ
Ngày sanh	Bốn tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba hồi 21 giờ 50
Nơi sanh	SAIGON Quận Trưng-Minh-Hiển
Tên họ người cha.	NGUYỄN - VĂN - THỌ (độc - thân)
Tên họ người mẹ.	NGÔ - THỊ - HOÈ (độc - thân)
Vợ chánh hay không có hôn-thú	/
Tên họ người đứng khai.	NGUYỄN - VĂN - THỌ

TRỊCH LỤC Y BẢN CHÁNH
Saigon ngày 12 tháng 12 năm 1972
Độc Viên Chức Hộ-Tịch, v.v.
1972
NIÊM THU
BẢNG-VĂN-DÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN

TOÀ TÂY- HINH

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà HÒA GIẢI HONG QUÂN TÂY HINH

Một bản chánh giấy thể-vi Khai-sinh

do Ngô-thị-Huệ xin cấp đã được

(1) Ngày 19-10-1962

ở NGUYỄN-DINH-KY Chánh-Án Toà HÒA-TÂY-HINH

Giấy thể-vi Khai-sinh

với tư-cách Thăm-Phán Hòa-Giải, lập ngày 19-10-1962

cho Ngô-thị-Huệ

và đã trước-ba :

(1) Số 1168/QT

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1) Lê-văn-Chước, 2) Ngô-văn-Tôn, 3) Lê-văn-Đang

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

Ngô-thị-Huệ, nữ, sinh ngày 20-11-1945

tại xã Ôc-gi xã, Tây-hinh, là con của Trần-văn-Lâm và Nguyễn-thị-Giỏi (chết) . .

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Lê-phí: 6-000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

CHÍNH LỤC-SỰ ngày 16 tháng 10 năm 1962

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA TAY-NHINH

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà HỘI ĐỒNG HONH QUAN TAY NHINH

Một bản chánh giấy thể-vi Khai-sinh

do Ngô-thị-Huệ xin cấp đã được

ở NGUYỄN-DINH-TR Chánh-Án Toà HONH.TAY-NHINH

với tư-cách Thăm-Phán Hòa-Giải, lập ngày 19-10-1962

và đã trước-ba :

(1) Ngày 19-10-1962

Giấy thể-vi Khai-sinh

cho Ngô-thị-Huệ

(1) Số 1168/QT

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1) Lê-văn-Chước, 2) Ngô-văn-Tôn, 3) Lê-văn-Dòng

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

Ngô-thị-Huệ, nữ, sinh ngày 20-11-1945

tại xã Cổ-gi xã, Tây-ninh, là con của Trần-văn-Hai
và Nguyễn-thị-Giỏi (chết) . .

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Lê-phí: 5-0-0

(1) Lập lại số, ngày tháng
và năm trên đây mỗi
khi xin trích-lục.

19-10-1962 ngày 19 tháng 10 năm 1962

CHÁNH LỤC-SỰ.

7 I A Y - M O I

VIỆT NAM CÔNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHONG

BỘ TONG THAM-MU/QL.VN.CH

PHONG TONG QUAN-TRI

TRUNG-TAM QUAN-TRI TRUNG-ƯƠNG

Họ và tên : NGUYEN-VAN-THO

Cấp - bậc : B2/HD

Số - quân : 65/003.279

ĐỊA - CHỈ : 476/30 Nguyen Huynh Duc
Phu Nhuan, GIA DINH

Số: 6807 / TTQT/ KTBB/L3/HSMD/1/HP.

Đến trình-diện TTQT/TRUNG-ƯƠNG/BAN LOAI-3, để được hướng-
dẫn thủ-tục trước khi trình-diện Hội-Đồng Miên-Dịch Saigon, nhóm -họ
tại TTQT/Trung-Ương(Hội-Trưởng B.I6) vào lúc 0800G, ngày :

- 15 tháng 10 năm 1974, để Hội-Đồng xét-định .

Trường-hợp vắng mặt, Hội-Đồng sẽ xét khiếm-diện và mọi sự
khiếu-nại sẽ không được cưu-xét:-

CƯỚC - CHỦ :

- Quân-nhân trình-diện HMD
phải mặc quân-phục chỉnh-tề
và đến kỳ hết phép phải trở
lại TTQT/Trung-Ương để lập
thủ-tục xuất-ngũ.-

K.B.C.42.04, ngày 10 tháng 10 năm 1974.

TL.- Trung-Tá BUI-THANH-QUY

Chỉ-Huy-Trưởng

Trung-Tam Quan-TRI Trung-Ương

Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-HUY

Đông-Khoi Thương-Bệnh-Binh

Vai-Ủy NGUYỄN-CHI-THANH

Trưởng-Ban Loại-3



[Handwritten signature]

HH 26-10-74

CHUOC 50%

7 I Ấ Y - M Ở I

Họ và tên : NGUYEN-VAN-THO

Cấp - bậc : B2/MD

Số - quân : 65/003.279

ĐỊA - CHỈ : 476/30 Nguyễn Huệ, Thủ Đức, SÀI GÒN

VIỆT NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHONG
BỘ TONG THAM-MU/QL.VN.CH
PHONG TONG QUAN-TRI
TRUNG-TÂM QUAN-TRI TRUNG-ƯƠNG

Số: 6807/TTQT/KTBB/L3/HSMD/1/HĐ.

Đến trình-diện TTQT/TRUNG-ƯƠNG/BAN LOẠI-3, để được hướng dẫn thủ-tục trước khi trình-diện Hội-Đồng Miền-Dịch-Sài Gòn, nhóm-hợp tại TTQT/Trung-Ương(Hội-Trưởng B.I.6) vào lúc 0800G, ngày :

- 15 tháng 10 năm 1974, để Hội-Đồng xét-định.

Trường-hợp vắng mặt, Hội-Đồng sẽ xét khiếm-diện và mọi sự khiếu-nại sẽ không được xử-xét.-

QUỐC - CHỮ :

- Quân-nhân trình-diện HMD phải mặc quân-phục chỉnh-tề và đến ký hết phép phải trở lại TTQT/Trung-Ương để lập thủ-tục xuất-ngũ.-

K.B.C.42.04, ngày 10 tháng 10 năm 1974.

TL.- Trung-Tà ĐUỠI-THÀNH-QUY

Chi-Huy-Trưởng

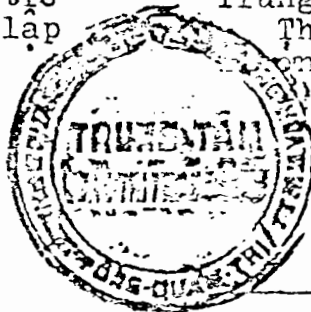
Trung-Tâm Quan-TRI Trung-Ương

Thiếu-Tà NGUYỄN-VĂN-HUY

Phòng - Khôi Thưng-Bệnh-Bệnh

Đại-Ủy NGUYỄN-CHI-THÀNH

Trưởng-Ban Loại-3



[Handwritten signature]

26-10-74

CHÚC 50%

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Đạo tròn 0,4cm cách
1,2cm dưới đầu mắt
trai.

01 tháng 11 năm 1978

T.Đ.Đ. HỒ CHÍ MINH. **TRƯỞNG TÝ CÔNG AN**
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN Q. PHÚ NHUẬN.

Duyên Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020430822

Họ tên: NGÔ THỊ HUỆ

Sinh ngày: 20-11-1945

Nguyên quán: Phú Khương,

Tây Ninh.

Nơi thường trú: 476/30 Ngõ H-
Đức, P.N, TP. Hồ Chí Minh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020450872

Họ tên: NGÔ THỊ HUỆ

Sinh ngày: 20-11-1945

Nguyên quán: Phú Khương,

Tây Ninh.

Nơi thường trú: 476/30 Ngõ 11-
Đức, P.N, TP. Hồ Chí Minh.



QUỐC AN

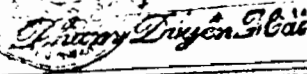
2.04

1932

1 M. UYND. PHUONG 2.04



Thanh

		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
		GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN Số: 020430821	
Họ tên: NGUYỄN THỊ ANH NGUYỄN T.		Sinh ngày: 20-08-1962 Nguyên quán: Bình Chánh Trung Huyện: Thọ, Tân Giang Nơi thường trú: 76/30 Ng. H. Đường, P.4, TP. Hồ Chí Minh.	
Dân tộc: Minh	Tôn giáo: Phật	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH Bộ bầu dục lớn r, 6, lớn 9, lớn trên đầu này trái. Ngày 11 tháng 11 năm 1973 TRƯỞNG TY CÔNG AN HỒ TRƯỞNG TY CÔNG AN 2 PHƯỜNG 4 	
NGON TRỐT TRAI	NGON THÚ PHỤ		

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã thị trấn Phước Mỹ
Thị xã, Quận Phước Ninh
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 121
Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Châu Trang</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày mười bảy, tháng chín, năm một ngàn chín trăm tám mươi hai</u> (17-09-1982)		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Phụ Sản Quận - 01</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Thành</u> 1960	<u>Nguyễn Thị Bích Nguyệt</u> 1962	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm bếp</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Khu Trại Phú</u> <u>Khánh Tây Ninh</u> <u>Ngõ Trại Huế</u>	<u>Hố 130 Nguyễn Huệ</u> <u>Đúc Phước Mỹ</u> <u>Quận Phước Mỹ</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hố 130 Nguyễn Huệ Đúc Phước Mỹ Quận Phước Mỹ</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 29 tháng 09 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 05 tháng 08 năm 1983

Tay UBND _____ ký tên đóng dấu

CUU TT



VÔ VĂN L

Nguyễn Hiền Trang

Số 4
Làng An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Số 0000000000

Họ tên: Đặng Thang

Tên thường gọi: Đặng Thang

Nơi thường trú: 14/12/15 Ngõ Khố
Phước

[Faint handwritten text and stamps]

[Signature]

CHỨNG NHẬN

Số 0000000000

Ngày 01/12/1982

T.M. ỦY BAN PHƯỜNG 2.04

[Stamp]

[Signature] Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020430821

Họ tên: NGUYỄN THỊ ANH
NGUYỄN

Sinh ngày: 20-08-1962

Nguyên quán: Bình Chánh Trung
Thị trấn, Tiền Giang

Nơi thường trú: 76/30 Ngõ H
Đức, P.N, TP. Hồ Chí Minh

[Portrait photo]

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

[Fingerprint area]

Ngón trỏ trái

Ngón trỏ phải

[Signature] Trần Văn...

[Stamp] TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHỦ THỦY CÔNG AN S. PHÚ THỌ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã thị trấn Phước Mỹ
Thị xã, Quận Phước Ninh
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 121

Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Thuý Trang</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày mười bảy, tháng chín, năm một nghìn chín trăm tám mươi hai</u> (17-09-1982)		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Phụ Sản Quận - 01</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Chánh</u> 1960	<u>Nguyễn Thị Anh Nguyệt</u> 1962	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm bếp</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Khu phố 1, Phường Phú Cường, Tây Ninh</u>	<u>H76/30 Nguyễn Huệ, Phường 14, Quận Phú Nhuận</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng sinh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>H76/30 Nguyễn Huệ, Phường 14, Quận Phú Nhuận</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày 29 tháng 09 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 15 tháng 09 năm 1983

TAYUBND _____ ký tên đóng dấu

CUU TT



Nguyễn Hiền Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Số Đại trấn Phường 14
Thị xã, Quận Phủ Nhuận
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 77

Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Khoa Nam</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi mốt tháng sáu năm một ngàn chín trăm tám mươi (21-06-1980)</u> <u>lúc 06g50'</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Phụ Sản Quận 01</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Thọ</u> <u>1945</u>	<u>Ngô Thị Hồng</u> <u>1945</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nhân Viên Công Ưng</u>	<u>Nhân Trú</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>176/30 Nguyễn Huệ</u>	<u>Đic F. 14 Quận</u> <u>Phủ Nhuận</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Anh Nguyệt</u> <u>1962</u> <u>176/30 Nguyễn Huệ Đic F. 14 Quận</u> <u>Phủ Nhuận</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 16 tháng 07 năm 1980
(chữ tên, đóng dấu tại cơ quan)

Ngày 15 tháng 03 năm 1983

TAYUBND ký tên đóng dấu

UUTK

Lưu ý đúng



VỖ VĂN LẠC

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
ĐÔ THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: PA

Lập ngày 08 tháng 05 năm 1973

PHƯỜNG T-H GIANG

Số hiệu: 24

Tên họ đứa trẻ.	<u>NGUYỄN ĐỌC TUYẾT TRINH</u>
Con trai hay con gái.	<u>NỮ</u>
Ngày sanh.	<u>Bốn tháng năm năm một ngàn chín</u> <u>trăm bảy mươi ba hồi 21 giờ 50</u>
Nơi sanh.	<u>SAIGON</u> <u>Đ.1 Trưng-Minh-Hiêng</u>
Tên họ người cha.	<u>NGUYỄN - VAN - THỌ (độc - thân)</u>
Tên họ người mẹ.	<u>NGÔ - THỊ - HUỆ (độc - thân)</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>/</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>NGUYỄN - VAN - THỌ</u>

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH
Saigon ngày 08 tháng 05 năm 1973
Kính-Chức Hộ-Tịch, v
1973
SAIGON
ĐĂNG-VĂN-DÂN

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HỒ - CHÍ - MINH

U. B. N. D. C. M. Quận: 3

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 12 tháng 02 năm 1976

Số hiệu: 662

Lệ phí ủng hộ

Tên họ đứa trẻ....	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN
Con trai hay con gái. .	NỮ
Ngày sanh.....	05-02-1976 lúc 4 giờ Mùng năm thặng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu.
Nơi sanh.....	Saigon- 45 Trần Quang Diệu
Tên họ người cha....	NGUYỄN VĂN THỌ
Tên họ người mẹ....	NGÔ THỊ HUỆ
Vợ chánh hay không có hôn-thú	---
Tên họ người đứng khai.....	NGUYỄN VĂN THỌ

Kiến Thị:

Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Quận 3

PHÓ CHỦ TỊCH

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 1976

Phòng Hộ-Tịch
Đ/c Phụ trách

Thuman

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA

Lập ngày 08 tháng 05 năm 19 73

PHƯỜNG T-H-GIANG

Số hiệu: 218

Tên họ đứa trẻ. . . .	<u>NGUYỄN QUOC TUYẾT TRINH</u>
Con trai hay con gái. .	<u>NỮ</u>
Ngày sanh.	<u>Bốn tháng năm năm một ngàn chín</u> <u>trăm bảy mươi ba hồi 21 giờ 50</u>
Nơi sanh.	<u>SAIGON 431 Trương-Minh-Giang</u>
Tên họ người cha. . .	<u>NGUYỄN - VAN - THỌ (độc - thân)</u>
Tên họ người mẹ. . .	<u>NGÔ - THỊ - HUỆ (độc - thân)</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>/</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>NGUYỄN - VAN - THỌ</u>

LỤC Y BẢN-CHÍNH
Sai ngày 6 tháng 6 năm 19 74
CHỨC HỘ-TỊCH, W.TU



ĐẶNG-VĂN-DÂN

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HỒ - CHÍ - MINH

U. B. N. D. C. M. Quận: 3

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 12 tháng 02 năm 1976

Số hiệu: 62

Tên họ đứa trẻ...	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN
Con trai hay con gái...	NỮ
Ngày sanh.....	05-02-1976 lúc 4 giờ hàng năm tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu.
Nơi sanh.....	Saigon- 45 Trần Quang Diệu
Tên họ người cha...	NGUYỄN VĂN THỌ
Tên họ người mẹ....	NGÔ THỊ HUỆ
Vợ chánh hay không có hôn-thú	---
Tên họ người đứng khai.....	NGUYỄN VĂN THỌ

Kiểm Thị:

Ủy Ban Dân Chủ Cách Mạng Quận 3

PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]

[Signature]

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 1976

Phòng Hộ-Tịch
Đ/c Phụ trách

[Signature]

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HỒ - CHÍ - MINH

U. B. N. D. C. M. Quận: 3

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 12 tháng 02 năm 1976

Số hiệu: 62

Tên họ đứa trẻ...	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN
Con trai hay con gái...	NỮ
Ngày sanh.....	05-02-1976 lúc 4 giờ hàng năm tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu.
Nơi sanh.....	Saigon- 45 Trần Quang Diệu
Tên họ người cha....	NGUYỄN VĂN THỌ
Tên họ người mẹ....	NGÔ THỊ HUỆ
Vợ chánh hay không có hôn-thú	---
Tên họ người đứng khai.....	NGUYỄN VĂN THỌ

Kiến Thị:

Ủy Ban Dân Chủ Cách Mạng Quận 3

PHÓ CHỦ TỊCH

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 1976

Phòng Hộ-Tịch
Đ/c Phụ trách

Chumai

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã Phước Mỹ

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Phước Ninh
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 77
Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Khoa Nam</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi mốt tháng sáu năm một ngàn chín trăm tám mươi (21-06-1980)</u> <u>lúc 06 g 50'</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Phụ Sản Quận 01</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn Khoa</u> <u>1945</u>	<u>Ngô Thị Huệ</u> <u>1945</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nhân viên Công ứng</u>	<u>Hội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>76/30 Nguyễn Huệ</u>	<u>Đi F 14 Quận Phước Ninh</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Anh Nguyệt</u> <u>76/30 Nguyễn Huệ Quận Phước Ninh</u>	<u>1962</u> <u>Đi F 14 Quận Phước Ninh</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 16 tháng 07 năm 1980
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 15 tháng 07 năm 1983

TAYUBND ký tên đóng dấu

CU TK

Li Uy Dương



Võ Văn Lạc

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA ~~TÂY-NINH~~

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự
Tòa HÒA GIẢI RỘNG QUẦN TÂY-NINH

Một bản chánh giấy thể-vi Khai-sinh

do Ngô-thị-Huệ xin cấp đã được

ở NGUYỄN-DINH-KY Chánh-Án Tòa HÒA GIẢI RỘNG QUẦN TÂY-NINH

với tư-cách Thăm-Phán Hòa-Giải, lập ngày 19-10-1962

và đã trước bạ :

(1) Ngày 19-10-1962

Giấy thể-vi Khai-sinh

cho Ngô-thị-Huệ

(1) Số 1168/CT

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1) Lê-văn-Chước, 2) Ngô-văn-Tên, 3) Lê-văn-Dòng

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

Ngô-thị-Huệ, nữ, sanh ngày 20-11-1945

tại xã Cồn-giang, Tây-ninh, là con của Ngô-văn-Phu

và Nguyễn-thị-Giỏi (chết) ./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

TÂY-NINH, ngày 24 tháng 10 năm 1962
CHÁNH LỤC-SỰ.

Lê-phí: 540

(1) Lập lại số, ngày tháng
và năm trên đây mỗi
khi xin trích-lục.

7 I A Y - M O I

Họ và tên : NGUYEN-VAN-THO
Cấp - bậc : B2/MD
Số - quân : 65/003.279

ĐỊA - CHỈ : 476/30 Nguyễn Huỳnh Đức
Phu Nhuan, GIA ĐỊNH

VIỆT-NAM-CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHONG
BỘ TONG THAM-MU/QL.VN.CH
PHONG TONG QUAN-TRI
TRUNG-TÂM QUAN-TRI TRUNG-ƯƠNG

Số: 6807/TTQT/KTBB/L3/HSMD/1/HD.

Đến trình-diện TTQT/TRUNG-ƯƠNG/BAN LOẠI-3, để được hướng-
dẫn thủ-tục trước khi trình-diện Hội-Đồng Miên-Dịch-Sài-gòn, nhóm-hợp
tại TTQT/Trung-Ương(Hội-Trưởng B.I.6) vào lúc 0800G, ngày :

- 15 tháng 10 năm 1974, để Hội-Đồng xét-định .

Trường-hợp vắng mặt, Hội-Đồng sẽ xét khiếm-diện và mọi sự
khiếu-nại sẽ không được cứu-xét.-

CƯỚC - CHỨ :

- Quân-nhân trình-diện HMD
phải mặc quân-phục chỉnh-tề
và đến ký hết phép phải trở
lại TTQT/Trung-Ương để lập
thủ-tục xuất-ngũ.-

K.B.C.42.04, ngày 10 tháng 10 năm 1974.

TL.- Trung-Tà BUI-THẠNH-QUY

Chi-Huy-Trưởng

Trung-Tâm Quan-TRI Trung-Ương

Thiếu-Tà NGUYỄN-VĂN-HUY

Đang-Khỏi Thương-Bệnh-Bệnh

Đại-Ủy NGUYỄN-CHI-THÀNH

Trưởng-Ban Loại-3



26-10-74

Chức 56%

Dân tộc: Kinh . . . Tôn giáo: Phật . . .

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

3 eo tròn 0,4cm cách
1,2cm dưới đầu mắt
trái.

Ngày 01 tháng 11 năm 1978
T. M. S. G. D. P. A. T. R. U. O. N. G. A. N.
H. O. T. R. U. O. N. G. A. N. B. P. H. U. A. N.



Duyệt: Hải

BẢN TƯỚNG-MAO VÀ QUÂN-VU

Đơn vị: } ĐOÀN LÍNH KHÔNG QUÂN
PHÒNG TUYẾN BÌNH

CỦA Cơ Trung-ủy NGUYỄN VĂN ANH Số quân 61/600.519

Trích-lục theo Quân-bq, lý-lịch của đương-sự

HỘ TỊCH	NHẬN DẠNG
Sinh ngày <u>01-01-1941</u> tại <u>Hoa-Quan Lạc-Vinh</u>	Tóc <u>Đen</u> <u>1</u>
Quận <u>(Hua-Quan-Lac)</u>	Mắt <u>Đen</u>
Tỉnh <u></u>	Trán <u>Đẹp</u>
Nghề nghiệp <u></u>	Mũi <u>Thẳng</u>
Con của Ông <u>Nguyễn Văn Tiên</u>	Khuôn mặt <u></u>
và Bà <u>Trần Thị Hương</u>	
Ngụ tại <u>60 Ấp Trưng Phú-Nhơn Tân-Bình</u>	
Quận <u>Saigon</u>	
Tỉnh <u></u>	
Kết hôn ngày <u></u> với cô <u>Ngô Thị Huệ</u>	
Ngụ tại <u></u>	
Quận <u></u> Tỉnh <u></u>	
Giấy phép kết hôn của <u>Đoàn 311/QĐ/ĐD/NV ngày 09-06-64</u>	

Cao : 1 thước 63 phân

DẤU TÍCH ĐẶC BIỆT:

Chữ một hạt gạo nhỏ trên
trung tâm trái

Nguyên-lai binh nghiệp (1)

QUÂN VỤ LIÊN TIẾP

Tính ngày 11-04-62 quân vụ không-quân với lực lượng tại thời Tam (8) năm 1962-63 tại thời này có thể giải lực lượng tại thời hạn 05 tháng kể từ ngày ký giao đấu quân.

Nhập ngũ kể từ ngày 11-04-62 với tính cách lính-Viện Sĩ-quân Phái-Đoàn (Nhân-viên Phi-Hành) công-vụ kể từ ngày ký do quyết-dịnh số 4087/TH/XQ/NV/TH/TH ngày 24-04-62.

Thuyên chuyển đơn vị từ Đoàn-Huân-Duyên không-quân kể từ ngày 11-4-62 do LTC tại thời số 04986/TH/XQ/NV/TH/1 ngày 10-1-62 (đang đang học tại LTC số 3616/QĐ/NV/NVQĐ/TH/1 ngày 20-3-62)

Được cử theo học Khoa Vô-Tông tại Đoàn 11-1 khai giảng ngày 16-4-62 tại Căn-Đoàn Huân-Duyên không-quân do 1972/XQ/TH/XQ/NV/TH ngày 30-4-62.

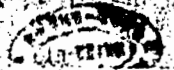
Được quyền hưởng phụ-cấp không-quân và kể từ ngày 22-5-62 do Quyết-dịnh số 0001/TH/XQ/NV/TH/2 ngày 15-5-62.

Được cử theo học Khoa Pilot Training tại Đơn-Vị khởi hành ngày 4-7-62 bằng máy-cơ qua không-quân tại đơn-vị do 0920/TH/XQ/NV/TH/1 ngày 15-7-62.

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ Bị sau đây: Sĩ-quân Phái-Lực, Tổng, Huế, VBLQBL.

TBTD-VBĐP hay ghi là được thăng cấp nếu không xuất thân ở các Quân Trường Võ Bị.

QUỐC LÃI (H. 10. 1972)



Từ ngày đến

Từ ngày đến

Từ ngày đến

Từ ngày đến

KHÔNG

HUY CHUONG

THƯƠNG TÍCH

- 1990 năm 1 tháng 1960
- 1990 năm 1 tháng 1960
- 1990 năm 1 tháng 1960
- 1990 năm 1 tháng 1960

KHÔNG

4 Th 11, 1972

Đã xem (x):

ngày tháng năm 197

NHẬN THỰC



(t) Đơn vị Trưởng

Trưởng M. TRẦN-SAO
Trưởng M. TRẦN-SAO

(Signature)

TH ngày 10-07-62.

Thuyên chuyển von Trung-Tam Quan-Trí Không-Quân (thang-so Du-học) k/t ngày 16-7-62 do LNTC số 7647/TTH/KQ/NV/QT/I ngày 30-7-62 (hợp thức hóa bởi LTC số 5218/QP/NV/NVQD/KQ/I ngày 13-8-62)

Man khoa Pilot Training T-28 tại căn Truong Backland/Moody AFB tại Hoa-Ky k/t ngày 2-8-63 do SVVT số 09492/PT/KQ/NV/HL ngày 3.9.63.

Thuyên-chuyển đến LPD43 k/t 1.9.63 do LNTC số 10388/TTH/KQ/NV/QT/I ngày 30.09-63 (Hợp thức hóa bởi LTC thành lập số 5273/QP/NV/S.241 ngày 18-10-1963)

Được cấp chức vụ: Hoa-Tiểu quân-qu, do quyết định số 11886/TTH/KQ/NV/QT ngày 13-11-63 của Trung-Tướng Quyen Tong-Tham-Muu Truong QLVNCH

Được huy động đến đơn vị: số 1 k/t ngày 16-8-63 do QD số 12547/PT/KQ/NV/QT/2 ngày 11-11-63

Đien chính thức về 08 (Tam) nara ko tu ngày 02-8-63 (ngay man khoa Hoa-Tieu tai Hoa-Ky) do Quyết-Đinh số 00212/PT/KQ/NV/QT/2 ngày 8-1-64

Được thăng cấp Chuẩn-Uy Hien-Binh thuc thu ko tu ngày 25-10-63, do Nghi-Đinh số 764/QP/NV ngày 12-3-64

Thuyên chuyển đến Chi-Đoan 715 công-vu k/t ngày 16-5-64 do LTC số 07695/TTH/KQ/NV/QT/1 ngày 19-6-64

Thuyên chuyển đến không Đoàn 23 chion-thuật ko tu ngày 1-7-64 do SVVT số 2167/TTH/KQ/NV/QT/2 ngày 29-5-64

Và LTC số 10052/TTH/KQ/NV/QT/1 ngày 15-8-64 được đề cử theo học khoa Huân-Luyện chuyển đến Hoa-Tiểu Khu-Truc A-III tại Không-Đoan 23, khai giảng ngày 20-7-64, man khoa ngày 4-12-64 do SVVT số 15301/TTH/KQ/HL/DR ngày 18-12-64

Kho vũ trụ thời được trở nên thuộc thu và đã được So Hành-Chánh Va Tai-Chánh số 9 phê-chuẩn dưới số 4798, ngày 12-02-64

Thang-cấp Thieu-Uy HD tạm thời k/t ngày 23-10-64 do ND số 150/TTH/ND ngày 09-04-65

Thang-cấp Thieu-Uy HD thuc thu ko tu ngày 01-08-65 do ND số 567/TTH/ND ngày 05-11-65

Chet vi tai nan phi-co trong khi thi hành phi-vu Huân-Luyện ngày 25-3-66 tại phía Bắc Bi-An 10 cày-so do Huân-Tin ta the số 36400/KD23/NV ngày 30-5-66

Đã đi thăm viếng được Trung-Đoan sau đây : Ông NGUYEN VAN TIEN số 60 12 Truong-Khu-Nhan

Được truy thăng Trung-Uy ko tu ngày 25-5-66 do Bưu-Miep số 15997/QV/Hch ngày 30-5-66 (Hợp thức hóa do ND số 414/TTH/ND ngày 23.12.66)

CHÚNG-THU' HÀNH-CHÁNH

KBC. 42.04

1. HỌ TÊN NGUYỄN VĂN THO 2. CẤP BÁC HA-SI/CLQ 3. SỐ QUÂN 65/003.279

4. THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ: Số _____ Cấp tại _____ Ngày _____

5.- CNQS : _____ 6.- Ngày sinh 1945 Nơi sinh KAMPUCHIA

7. NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 03-01-1972 Với tư cách Th
Tiền quân-vu Tu

8. GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ : - Từ 19.09.72 Đến 26.09.72 Lý do ĐẠO-NH
- Từ _____ Đến _____ Lý do _____

9.- GIẢI NGŨ NGÀY 02-02-1975 Lý do MDVV SỐ 1 MDVV 50 a/o CDD
Lý do HĐMD: 26/10/74

10. LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH CHÁNH

- a) ☐ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp từ-tuất : ☒ Đường-sự bị p...
☒ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phễ-binh : ☐ Đường-sự bị...
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng... phụ : ☐ Đường-sự tạ thê...
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp dưỡng... tò phụ : Ngày 14 tháng 12
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô - nhi :
☐ CTHC được cấp cho người thừa-kế : Lý do _____ THU
☐ CTHC được cấp cho người giám-hộ : _____

Ngày 14 tháng 12 năm 72 tại ĐD 2/12

Lý do THƯƠNG-TRÂN

Ho tên và địa-chỉ : 476/30

- Có qui-trách công-vụ ☒

- Không qui-trách công-vụ ☐

Nguyễn-Hàynh-Đức - GIA-ĐÌNH.

b) Lý do khác:

II.- HỌ TÊN CHA MẸ: Ông NGUYỄN-VĂN-DUONG Sinh ngày _____ (sống) (chết) _____
Bà NGUYỄN-THỊ-THANH Sinh ngày _____ (sống) (chết) _____

12.. GIA-CẢNH : ☒ Độc-thân ☐ Có vợ ☐ Góa ☐ Số con

13. NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và Tên : _____ Sinh ngày _____
 Nơi sinh : _____ Nghề nghiệp _____
 Địa chỉ : _____

☐ Trích-lục hôn-thú ☐ Chứng thư thể-vi hôn-thú ☐ Ấn thể-vi hôn-thú

Số hiệu _____ Đăng ký ngày _____ tại _____

14.- CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN	NGÀY SINH	TRAI, GÁI	LOẠI CON	VĂN - KIẾN THAM CHIẾU			
				Loại	Số	Ngày	Nơi đăng ký
a	b	c	d	e	f	g	h

Mẫu: QĐ-855-B (Thay thế và hủy bỏ mẫu in QĐ 866 A-H-N ngày 1-9-63)

-11-70

PHẦN II. — CHIẾT-TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập)

15. — LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG-SỰ: Cấp bậc B2/GIA Bậc lương = 2 Chỉ số lương
Phụ cấp gia-dinh DT Vợ với số con // Phụ cấp đất đỏ vùng
(ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) 16.100 \$ 00
MƯỜI SAU NGÀN MỘT TRĂM ĐỒNG BẠC CHẴN. Chiết-tính như sau:

— Lương căn-bản 10.200 \$ 00
— Phụ cấp vợ
— Phụ cấp con
— Phụ cấp đất đỏ 4.200 \$ 00
— Tăng khoản tạm thời 1.700 \$ 00
— Phụ cấp khác (nếu có)
CỘNG 16.100 \$ 00

LƯƠNG BẢN THÂN:

— Lương căn-bản
(kể cả phụ khoản chuyên môn)
— Phụ cấp đất đỏ
— Tăng khoản tạm thời
— Phụ cấp đặc biệt
CỘNG

— Số phiếu kiểm-soát lương
— Đương-sự được trả lương đến hết tháng 02
năm 1975

PHỤ CẤP VỢ CON:

— Phụ cấp vợ
(GD + DD + TKTT)
— Phụ cấp con
(GD + DD + TKTT)
CỘNG

16. — TRỢ CẤP TỬ TUẤT: (Toàn thể hay tức thời) TP/VV bằng 01 hoặc hai hoặc mười hai Một(01)
Lần số lương tháng cuối cùng chiết tính nơi Mục 15, thành tiền là 16.100 \$ 00
(Viết số lập lại toàn bằng chữ) **MƯỜI SAU NGÀN MỘT TRĂM ĐỒNG BẠC CHẴN.**
đã được ứng trả trước ngày 02 tháng 02 năm 1975 cho người thừa kế hữu quyền là (tên họ) ĐƯƠNG-SU

(Chiếu HT số 3761/QL/TCTT/HCI/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. — CHỨNG THỰC

17. — CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng Phòng TQT hay Nhân-viên)
(Cấp bậc) THƯỜNG (Họ tên) NGUYỄN-VĂN HUY
(Chức vụ) THƯỜNG ĐƯỢC GIẢM

Chữ ký
04.01.75

18. — CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)
Cấp bậc THƯỜNG (Họ tên) TRẦN-VĂN HUY
(Chức-vụ) THƯỜNG ĐƯỢC GIẢM

Ngày 04.01.75
Chữ ký [Chữ ký]

19. — CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ-TRƯỞNG TỰ-TRỊ HÀNH-CHÁNH

KBC. 42.04 ngày 04 tháng 01 năm 1975
CẤP BẠC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ
Trưng-Tố ĐŨ-THÀNH-QUY
Trưng-Tam

Chữ ký và ấn dấu



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

T-H



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 904346 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn Văn Thọ

Ấp, ngõ, số nhà : 476/30

Thị trấn, đường phố : Nguyễn Triết, 2/3

Xã, phường : 11

Huyện, quận : Phú Nhuận

Ngày 12 tháng 03 năm 1982

phó Trưởng công an : Quán Phú Nhuận

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

THIỆU TẢ : Trần Văn Hải

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Từ ngày .. tháng .. năm

Từ ngày .. tháng .. năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Từ ngày .. tháng .. năm

Từ ngày .. tháng .. năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

T-H

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 904346 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn Thọ

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện, quận:

Ngày .. tháng .. năm

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

THIỆU TẢ: Trần Văn Hải

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Từ ngày .. tháng .. năm

Từ ngày .. tháng .. năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Chứng nhân đã chuyển đến ở :

Từ ngày .. tháng .. năm

Từ ngày .. tháng .. năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

T-H

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 904346 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn Tịch

Ấp, ngõ, số nhà: 10/10

Thị trấn, đường phố: Tân Phú, Tân Phú

Xã, phường: Tân Phú

Huyện, quận: Tân Phú

Ngày 10 tháng 05 năm 1980

Trưởng công an: Trần Văn Hùng

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

THIỆU TẢ: Trần Văn Hùng